TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YS** **TỈNH TQ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **71**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-3-2023
V/v: Xác nhận cha cho con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YS, TỈNH TQ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Phạm Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Huệ

2. Bà Lộc Thị Kim Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YS, tỉnh TQ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YS, tỉnh TQ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện YS, tỉnh TQ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10/02/2023 về việc: Xác nhận cha cho con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 09/3/2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Triệu Thị X**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn AL, xã PN, huyện YS, tỉnh TQ

- *Bị đơn*: Anh **Lê Quang T**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm TT, xã DT, huyện VN, tỉnh TN.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Cháu **Nguyễn Triệu N**, sinh ngày 03/9/2015

Địa chỉ: Thôn AL, xã PN, huyện YS, tỉnh TQ

+ Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn YN, xã PN, huyện YS, tỉnh TQ

(Chị X, anh T, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Triệu Thị X trình bày:

Ngày 01/4/2015 chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PN, huyện YS, tỉnh TQ. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết ly hôn chị và anh T xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Triệu N, sinh ngày 03/9/2015. Tại Bản án số 332/2021/HNGĐ-ST ngày 31/12/2021, Tòa án nhân dân huyện YS đã xử cho chị được ly hôn với anh T, khi ly hôn chị được Tòa án giao cháu N cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu N. Tuy nhiên, chị xác định trước khi kết hôn với anh T chị đã có quan hệ tình cảm với anh Lê Quang T và chị đã mang thai cháu Nguyễn Triệu N với anh Lê Quang T được hơn một tháng trước thời điểm kết hôn với anh T. Ngày 03/9/2015, chị sinh cháu N, tại giấy khai sinh của cháu N xác định chị là mẹ đẻ còn anh T là cha đẻ của cháu N (vì chị sinh cháu N trong thời kỳ hôn nhân với anh T). Sau khi chị và anh T ly hôn, chị và anh Lê Quang T đã tiến hành xét nghiệm ADN giữa cháu N và anh T, kết quả xét nghiệm AND cho thấy anh Lê Quang T là cha sinh học (cha đẻ) của cháu Nguyễn Triệu N. Chị xác định kết quả giám định ADN trên là chính xác. Nay chị yêu cầu Tòa án xác định anh Lê Quang T là cha đẻ của cháu Nguyễn Triệu N.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Quang T trình bày:

Trước khi chị X kết hôn với anh Nguyễn Văn T thì anh và chị X có quan hệ tình cảm với nhau, vì hai bên không hợp nhau nên anh và chị X chia tay. Sau khi chia tay, chị X đã kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào ngày 01/4/2015, đến ngày 03/9/2015 chị X đã sinh cháu Nguyễn Triệu N. Sau khi chị X ly hôn với anh T thì anh và chị X đã tiến hành xét nghiệm ADN giữa anh với cháu N và kết quả xét nghiệm ADN xác định cháu Nguyễn Triệu N là con đẻ của anh. Anh đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X về việc xác định anh là cha đẻ của cháu Nguyễn Triệu N.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 01/4/2015 anh và chị Triệu Thị X đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PN, huyện YS, tỉnh TQ. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc nên

anh và chị X đã giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện YS. Quá trình giải quyết ly hôn xác định anh và chị X có 01 con chung là cháu Nguyễn Triệu N, sinh ngày 03/9/2015. Tại Bản án số 332/2021/HNGĐ-ST ngày 31/12/2021 Tòa án nhân dân huyện YS đã xử cho chị X được ly hôn với anh và giao cháu N cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tuy nhiên, trước khi kết hôn với anh chị X đã mang thai cháu Nguyễn Triệu N với anh Lê Quang T nhưng anh không biết. Ngày 03/9/2015, chị X sinh cháu N, tại giấy khai sinh của cháu N xác định anh là cha đẻ của cháu như vì cháu N được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa anh với chị X. Sau khi anh và chị X ly hôn, anh T đã tiến hành giám định ADN giữa anh T và cháu N, kết quả xét nghiệm ADN xác định anh T là cha đẻ của cháu N. Anh đã được Tòa án cũng như chị X thông báo cho anh biết kết quả giám định ADN trên, anh nhất trí với kết quả ADN đó và không có ý kiến, không có tranh chấp gì. Nay chị X yêu cầu xác nhận anh Lê Quang T là cha đẻ của cháu Nguyễn Triệu N anh hoàn toàn nhất trí, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Xuân và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị X, anh T, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại bản tự khai, các đương sự đều đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của chị X.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định cháu Nguyễn Triệu N, sinh ngày 03/9/2015 là con ruột của anh Lê Quang T. Về án phí các đương sự không phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả làm việc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Triệu Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định anh Lê Quang T là cha đẻ của cháu Nguyễn Triệu N, sinh ngày 03/9/2015 nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp về xác định cha cho con" theo quy định tại khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lê Quang T cư trú tại huyện VN, tỉnh TN, tuy nhiên chị X và anh T đều có văn bản nhất trí lựa chọn

Tòa án nhân dân huyện YS, tỉnh TQ để giải quyết. Do đó, Tòa án nhân dân huyện YS, tỉnh TQ thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị X, anh T, anh T vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Triệu Thị X yêu cầu xác định anh Lê Quang T là cha đẻ của Cháu Nguyễn Triệu N, sinh ngày 03/9/2015.

Chị X đã cung cấp cho Tòa án kết quả giám định ADN của Công ty CP công nghệ sinh học BIONET Việt Nam kết luận anh Lê Quang T là cha sinh học (cha đẻ) của cháu Nguyễn Triệu N với xác suất là 99.9999999991%. Đồng thời, Công ty CP công nghệ sinh học BIONET Việt Nam đã có văn bản gửi đến Tòa án xác nhận tính pháp lý của kết quả xét nghiệm ADN giữa cháu Nguyễn Triệu N với anh Lê Quang T là hoàn toàn đúng với sự thật và chịu trách nhiệm về độ chính xác khoa học của kết quả xét nghiệm ADN. Như vậy, có đủ cơ sở xác định cháu Nguyễn Triệu N là con ruột của anh Lê Quang T. Do đó, yêu cầu của chị Triệu Thị X xác định anh Lê Quang T là cha đẻ của cháu Nguyễn Triệu N, sinh ngày 03/9/2015 là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 89; khoản 1 Điều 91; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xác định anh Lê Quang T, sinh ngày 10/01/1984, địa chỉ: Xóm TT, xã DT, huyện VN, tỉnh TN, giấy chứng minh thư số 090896711 là cha đẻ của cháu Nguyễn Triệu N, sinh ngày 03/9/2015, giấy khai sinh số 158/2017, ngày đăng ký 08/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã PN, huyện YS, tỉnh TQ.

2. Về án phí: Anh Lê Quang T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Chị Triệu Thị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh TQ;
- VKSND huyện YS;
- Chi cục THADS huyện YS;
- UBND xã PN (Nơi ĐKKKS);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Quỳnh